

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-8-2024

‘V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con’

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Khắc Dương

Bà Trịnh Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 186/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 về việc ‘Ly hôn, tranh chấp về nuôi con’ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị L, sinh năm 2000. Có mặt

Địa chỉ: Thôn V, xã Th, huyện H, Thanh Hóa

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn V, sinh năm 1998. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Ng, xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/7/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của nguyên đơn chị Lê Thị L thể hiện như sau:

Chị Lê Thị L và anh Lê Văn V tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/02/2020. Sau khi kết hôn anh chị sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, chúng tôi sống ly thân từ tháng 6/2024 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không thể kéo dài cuộc sống vợ chồng thêm được

nữ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn V.

Về con: Chị Lê Thị L và anh Lê Văn V có 01 con chung là cháu Lê Tuệ Nh, sinh ngày 19/02/2023, hiện đang ở cùng chị L.

Chị Lê Thị L đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Lê Tuệ Nh và không yêu cầu anh Lê Văn V phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Chị Lê Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai tại bản tự khai ngày 05/7/2024, lời khai trong quá trình giải quyết của bị đơn là anh Lê Văn V thể hiện:

Anh Lê Văn V và chị Lê Thị L tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn vào ngày 28/02/2020 tại UBND xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới, anh chị sống bình thường không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, chỉ có cãi nhau nhỏ nhặt, sau đó chị L tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay chị L làm đơn xin ly hôn, anh V xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, không có mâu thuẫn gì nên không đồng ý ly hôn.

Về con: Chị Lê Thị L và anh Lê Văn V có 01 con chung là cháu Lê Tuệ Nh, sinh ngày 19/02/2023, hiện đang ở cùng chị L.

Anh Lê Văn V cho rằng do cháu Lê Tuệ Nh còn nhỏ nên anh đồng ý để chị Lê Thị L trực tiếp nuôi. Về cấp dưỡng: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Anh Lê Văn V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản xác minh ngày 17/7/2024 tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa thể hiện:

Lãnh đạo địa phương cho biết: Anh Lê Văn V và chị Lê Thị L được Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện H cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/02/2020, sau khi kết hôn, anh chị sinh sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Ng, xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, có 01 con chung cháu Lê Tuệ Nh, sinh ngày 19/02/2023. Thời gian gần đây, anh V và chị L có xảy ra mâu thuẫn, nhưng cụ thể thế nào và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương không nắm được. Nay chị L đề nghị ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày nhận xét về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn **không thực hiện** đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L, xử cho

chị Lê Thị L được ly hôn anh Lê Văn V. Về con: Đề nghị công nhận cháu Lê Tuệ Nh, sinh ngày 19/02/2023 là con chung của anh V và chị L. Đề nghị chấp nhận nguyện vọng của chị L, giao cháu Lê Tuệ Nh cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: chị L không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về tài sản và công nợ: Chị Lê Thị L và anh Lê Văn V không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Đề nghị buộc chị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn chị Lê Thị L không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã thu thập tài liệu chứng cứ bằng biện pháp xác minh về tình trạng hôn nhân và nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp giữa chị Lê Thị L và anh Lê Văn V theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 19/8/2024, bị đơn là anh Lê Văn V vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 233 và 235 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Lê Văn V vắng mặt không có lý do căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Lê Văn V tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện H, Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 28/02/2020 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, Chị Lê Thị L và anh Lê Văn V sống hạnh phúc cho đến gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, theo chị L là không thể hàn gắn nổi. Chị Lê Thị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mong muốn được ly hôn với anh Lê Văn V. Dù Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị L vẫn cương quyết ly hôn. Tại phiên hòa giải lần thứ hai, anh V vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ thể hiện anh có thái độ bỏ mặc tình trạng hôn nhân của anh chị. Như vậy tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị L là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[3] Về con: Chị Lê Thị L và anh Lê Văn V thống nhất có 01 con chung là cháu Lê Tuệ Nh, sinh ngày 19/02/2023 nên công nhận cháu Lê Tuệ Nh là con chung của Chị Lê Thị L và anh Lê Văn V. Cháu Nh dưới 36 tháng tuổi, chị L có nguyện vọng được trực

tiếp nuôi cháu Lê Tuệ Nh, anh V cũng đồng ý nên giao cháu Lê Tuệ Nh cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị L không yêu cầu giải quyết, anh V đề nghị tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là chị Lê Thị L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; **khoản 2 Điều 227**; Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; 56; 58; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị L được ly hôn với anh Lê Văn V.

Về con: Công nhận chị Lê Thị L và anh Lê Văn V có 01 con chung là cháu Lê Tuệ Nh, sinh ngày 19/02/2023. Giao cháu Lê Tuệ Nh cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Nếu anh V lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị L thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh V.

Về án phí: Buộc chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp **là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo biên lai thu số 0003903 ngày 04/7/2024 (chị L đã nộp đủ).**

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Lê Văn V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã Ph;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Khắc Dương Trịnh Thị Loan

Lê Thị Ngọc Tú

